TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 708/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2022
V/v *Tranh chấp:"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH TIỀN GIANG
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Châu Bích Phượng
2. Ông Tạ Công Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục -Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị G, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp Đ, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Phan Văn Đ, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp Đ, xã KS, H.CT, tỉnh Tiền Giang

(Có mặt chị G, vắng mặt anh Đ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn ngày 30/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị G trình bày: Chị và anh Phan Văn Đ chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn ngày 05/3/1999 tại Uỷ ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ gian tuông vô cớ, kiếm chuyện gây gổ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị, chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng anh Đ không thay đổi, ngày càng tệ hơn. Từ năm 2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thanh P, sinh năm 1995 và Phan Thị Yến L, sinh năm 2000, hai con đã trưởng thành, chị không yêu cầu.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có

* Bị đơn anh Phan Văn Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi Tòa án.

Tại phiên tòa, chị G giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Con đã thành niên nên không yêu cầu xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Phan Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Lê Thị G và anh Phan Văn Đ tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 003 ngày 05/3/1999 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị G trình bày là do anh Đ ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện để xúc phạm danh dự nhân phẩm chị, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị G là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, anh chị phát sinh mâu thuẫn đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gởi tòa án, chứng tỏ anh Đ không có thiện chí đoàn tụ với chị G, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thanh P, sinh năm 1995 và Phan Thị Yến L, sinh năm 2000, đã thành niên, chị G không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị G khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị G

Về hôn nhân: Chị Lê Thị G được ly hôn với anh Phan Văn Đ

Về án phí: Chị G phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0004240 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị G đã nộp xong án phí.

Chị G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Kim Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà